

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2340/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương,
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết
số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số
90/TTr-SKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 1). Cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn giao: 5.180.481 triệu đồng. Trong đó:

a) Vốn trong nước: 4.817.293 triệu đồng.



b) Vốn nước ngoài: 363.188 triệu đồng.

2. Danh mục công trình, nội dung chi tiết giao vốn: theo các phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục và chi tiết nội dung vốn giao tại Điều 1 của Quyết định này cho các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư thực hiện; đồng thời, kiểm tra việc tổ chức thực hiện và tổng hợp danh mục công trình, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Các chủ đầu tư; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và đẩy nhanh tiến độ các công trình, đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch được giao và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật. Trường hợp phát hiện các thông tin, số liệu chưa chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành tỉnh: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Chủ đầu tư, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của Quyết định;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (05b);
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chính

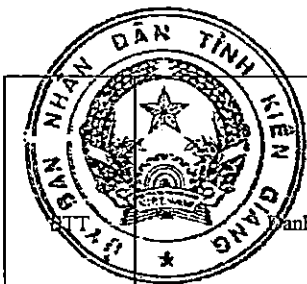


Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

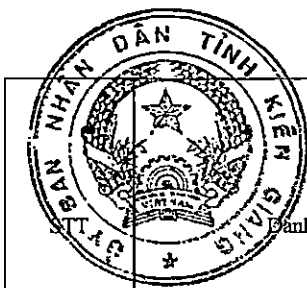
STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 (QĐ 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021)			Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
TỔNG CỘNG											
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG				5.228.920	4.523.798	3.829.430	0	0	2.450.700	
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				1.621.000	1.095.800	402.230	0	0	323.500	
1	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	các huyện: An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Gò Quao.	2540	Số 2271/QĐ-UBND, 30/10/2017; số 1244/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh;	309.000	265.800	78.730				Sở GTVT quản lý dự án.
2	Đường trung tâm đoạn 3 và các đường nhánh khu vực Bãi Trường, huyện Phú Quốc	huyện Phú Quốc	2575	số 07/QĐ-BQLKKTQP, ngày 29/10/2015; số 37/QĐ-BQLKKTQP, ngày 28/3/2016; số 97/QĐ-BQLKKTQP, ngày 13/05/2020 của BQL Khu kinh tế Phú Quốc;	1.312.000	830.000	323.500			323.500	UBND thành phố Phú Quốc quản lý dự án.
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				3.607.920	3.427.998	3.427.200	0	0	2.127.200	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	các huyện: Hòn Đất, Kiên Lương	32714	số 2247/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh;	1.479.922	1.300.000	1.300.000				Sở GTVT quản lý dự án.



STT	anh mục dự án	Địa điểm XD	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 (QĐ 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021)			Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Thu hồi ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
2	Dự án Đường Minh Lương - Giục Tượng, huyện Châu Thành	huyện Châu Thành	37330	số 2711/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Châu Thành;	168.798	168.798	168.000			168.000	UBND huyện Châu Thành quản lý dự án.	
3	Cầu thị trấn Thứ 11 (vượt kênh Tân Bằng - Cán Gáo), huyện An Minh	huyện An Minh	31315	số 1973/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện An Minh;	200.000	200.000	200.000			200.000	UBND huyện An Minh quản lý dự án.	
4	Cầu Thứ Ba (ngang kênh xáng Xẻo Rô), huyện An Biên	huyện An Biên	31326	số 7519/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND huyện An Biên;	250.000	250.000	250.000			250.000	UBND huyện An Biên quản lý dự án.	
5	Đường tránh thị trấn Kiên Lương (điểm đầu ĐT 971 đến trạm điện Kiên Bình thuộc QL 80)	huyện Kiên Lương	31324	số 20/NQ-HĐND, 19/11/2020 của HĐND huyện Kiên Lương;	350.000	350.000	350.000			350.000	UBND huyện Kiên Lương quản lý dự án.	
6	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cái Lớn (trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận)	huyện Vĩnh Thuận	37331	Số 25/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của HĐND huyện Vĩnh Thuận;	339.000	339.000	339.000			339.000	UBND huyện Vĩnh Thuận quản lý dự án.	
7	Đường dẫn ra cảng tổng hợp thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên	32396	số 174/NQ-HĐND ngày 19/11/2020 của HĐND thành phố Hà Tiên;	300.000	300.000	300.000			300.000	UBND thành phố Hà Tiên quản lý dự án.	
9	Đường Kết nối đê bao ven biển với cầu Thứ ba, huyện An Biên	huyện An Biên	37333	số 38/NQ-HĐND, 27/11/2020 của HĐND huyện An Biên.	391.000	391.000	391.000			391.000	UBND huyện An Biên quản lý dự án.	
10	Mở rộng tuyến đường Mỹ Thái, Mỹ Hiệp Sơn huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	37334	số 10/NQ-HĐND ngày 04/5/2021 của HĐND huyện Hòn Đất;	129.200	129.200	129.200			129.200	UBND huyện Hòn Đất quản lý dự án.	



STT	Tên mục dự án	Địa điểm XD	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 (QĐ 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021)			Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				2.340.459	2.296.170	613.629	0	0	0	
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				2.260.459	2.216.170	533.629	0	0	0	
1	Kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh, huyện An Biên	huyện An Biên	25178	số 2430/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018; số 2430/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	75.000	75.000	12.500				Sở NN&PTNT quản lý dự án.
2	Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu, huyện An Minh	huyện An Minh	25327	số 1372/QĐ-UBND, ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh;	85.000	85.000	22.500				Sở NN&PTNT quản lý dự án.
3	Kè chống sạt lở khu vực Hòn Quéo, huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	37065	số 759/QĐ-UBND, ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh;	100.000	100.000	20.000				Sở NN&PTNT quản lý dự án.
4	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	xã An Sơn, huyện Kiên Hải	11322	số 2281/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; số 317/QĐ-UBND ngày 10/02/2020; số 233/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh;	152.289	108.000	50.000				Sở NN&PTNT quản lý dự án.
5	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu, huyện Phú Quốc.	huyện Phú Quốc	12130	số 2590/QĐ-UBND, ngày 30/10/2015; số 696/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh;	154.189	154.189	23.000				Sở NN&PTNT quản lý dự án.
6	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá mũi Gành Dầu, huyện Phú Quốc.	thành phố Phú Quốc	2555	số 1474/QĐ-UBND, ngày 20/7/2015; số 1393/QĐ-UBND, 16/6/2016; số 3164/QĐ-UBND, 29/12/2020 của UBND tỉnh;	120.000	120.000	25.000				Sở NN&PTNT quản lý dự án.



STT	Tên danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 (QĐ 1535/QĐ-ITg ngày 15/9/2021)			Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
7	Dự án đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	các huyện: An Biên, An Minh, Châu Thành, Kiên Lương.	16695	2516/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	1.484.000	1.484.000	372.629			Sở NN&PTNT quản lý dự án.	
8	Đầu tư bảo vệ phát triển bền vững Vườn Quốc gia Phú Quốc, giai đoạn 2016-2020.	thành phố Phú Quốc	2563	số 2600/QĐ-UBND, 30/10/2015; số 698/QĐ-UBND, 28/3/2016; số 1676/QĐ-UBND, 22/7/2016; số 2020/QĐ-UBND, 06/9/2016; số 2700/QĐ-UBND, 26/11/2018; số 2850/QĐ-UBND, 16/12/2019 của UBND tỉnh;	89.981	89.981	8.000			VQG Phú Quốc quản lý dự án.	
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				80.000	80.000	80.000	-	-		
1	Kè chống sạt lở kênh Hà Giang (đoạn Trung tâm hành chính - Khu dân cư Đầm Chít)	huyện Giang Thành	37332	số 30/NQ-HĐND ngày 27/10/2020; số 05/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND huyện Giang Thành;	80.000	80.000	80.000			UBND huyện Giang Thành quản lý dự án.	
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA				483.424	280.000	223.234	0	0	0	
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				129.615	80.000	23.234	0	0	0	
1	Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật và Bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	11324	số 2283/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; số 944/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh;	129.615	80.000	23.234			Sở Văn hóa và Thể thao quản lý dự án.	
b)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				353.809	200.000	200.000	0	0	0	



Số thứ tự	Tên danh mục dự án	Địa điểm XD	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 (QĐ 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021)			Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó:	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi ứng trước
1	Đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và trọng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Thành phố Phú Quốc	31145	số 211/TB-HĐND, 17/9/2015; 548/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	353.809	200.000	200.000				Sở Văn hóa và Thể thao quản lý dự án.		
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				45.000	45.000	25.000	0	0	0			
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				45.000	45.000	25.000	0	0	0			
1	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm	huyện Phú Quốc	10821	số 270/QĐ-BQLKKTQP, ngày 31/10/2017; số 139/QĐ-BQLKKTQP ngày 12/6/2019; 33/QĐ-BQLKKTQP ngày 27/01/2021 của BQL Khu kinh tế Phú Quốc;	45.000	45.000	25.000				Sở LĐTB&XH quản lý dự án.		
V	LĨNH VỰC XÃ HỘI				25.000	18.000	8.000	0	0	0			
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				25.000	18.000	8.000	0	0	0			
1	Dự án nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang	xã Mỹ Hiệp Sơn- huyện Hòn Đất	25919	số 2492/QĐ-UBND, ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh;	25.000	18.000	8.000				Sở Lao động-Thương binh và Xã hội quản lý dự án.		
VI	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG				118.551	118.551	118.000	0	0	0			
a)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				118.551	118.551	118.000	0	0	0			
	Dự án ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Rạch Giá	thành phố Rạch Giá	37337	số 36/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND thành phố Rạch Giá;	118.551	118.551	118.000				UBND thành phố Rạch Giá quản lý dự án.		



Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 2340 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư									Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 (QĐ 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021)		Ghi chú	
					Số quyết định	Tổng mức đầu tư								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
						Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Trung ương	Trong đó: vốn ngân sách địa phương	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt							
										Tổng số	Trong đó:						
		Đưa vào cân đối ngân sách Trung ương		Vay lại													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Tổng cộng					1.357.554	333.636	109.395	105.178	0	1.023.868	836.264	196.604	363.188	0	0	
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN					1.042.746	228.458	109.395	0	0	814.238	630.635	183.603	299.300	0	0	
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					1.042.746	228.458	109.395	0	0	814.238	630.635	183.603	299.300	0	0	
1	Dự án Chống chịu khi hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	WB	11/7/2016	31/12/2022	số 1825/TTg-QHQT, 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; số 1693/QĐ-BNN-HTQT, 09/5/2016 của Bộ NNN&PTNT;	729.247	117.238	109.395			612.009	428.406	183.603	214.300			Sở NN&PTNT quản lý dự án.
2	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	WB	7/9/2015	30/6/2022	2731/QĐ-UBND, ngày 10/11/2015; 1100/QĐ-UBND, ngày 15/5/2019; 462/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh;	313.499	111.220				202.229	202.229		85.000			Sở NN&PTNT quản lý dự án.



STT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định	Quyết định đầu tư							Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 (QĐ 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021)			Ghi chú			
						Tổng mức đầu tư							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				
						Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách Trung ương	Trong đó: vốn ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó:									
										Đưa vào cân đối ngân sách Trung ương	Vay lại								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17			
II	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN					53.728	10.392	-	10.392	-	43.336	39.335	13.001	15.000	-	-			
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					53.728	10.392	-	10.392	-	43.336	39.335	13.001	15.000	-	-			
1	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	WB	23/12/2016	31/12/2021	số 1236/QĐ-BTNMT, 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường; 930/QĐ-TTg, 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; số 2108/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh;	53.728	10.392		10.392		43.336	39.335	13.001	15.000			Số TN&MT quản lý dự án.		
III	LĨNH VỰC DU LỊCH					261.080	94.786	-	94.786	-	166.294	166.294	-	48.888	-	-			
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					261.080	94.786	-	94.786	-	166.294	166.294	-	48.888	-	-			
1	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng Du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê công mở rộng (GMS)	ADB	25/11/2014	30/6/2021	số 165/QĐ-BVHTTDL ngày 15/01/2021 của Bộ VHTTDL; số 1916/QĐ-UBND ngày 28/8/2021; số 1915/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang;	261.080	94.786		94.786		166.294	166.294		48.888			Ban GMS Kiên Giang quản lý dự án.		